

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ LỘC  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày 17-9-2021

V/v ly hôn giữa chị L và anh H

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đức Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Công.

Ông Trần Văn Ngọc.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Trần Công Thương, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Huyền Trang, là Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lã Thị L, sinh năm 1995.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Xuân H, sinh năm 1995.

Cùng nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, chị L và anh T vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Lã Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lã Thị L và anh Bùi Xuân H kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 9 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện

L, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do áp lực về tiền bạc, áp lực về gia đình. Vợ chồng hiện nay đã sống ly thân, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Xuân H.

Về con chung: Chị L và anh H có hai con chung tên là Bùi Thị Phương L, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2017 và Bùi Minh H, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2020. Hiện tại, chị L đang nuôi dưỡng cháu H; anh Hiền đang nuôi dưỡng cháu L. Sau khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, còn cháu L chị đề nghị giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và các vấn đề khác: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, chị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt.

Đối với bị đơn anh Bùi Xuân H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh H không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L. Về con chung, căn cứ vào các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đề nghị của chị L về việc nuôi dưỡng hai con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh H, được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh H kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 9 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, đến nay hai người đã sống ly thân, không còn yêu thương nhau nữa. Như vậy, anh chị đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho chị L ly hôn anh H là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Giữa chị L và anh H có hai con chưa thành niên tên là Bùi Thị Phương L và Bùi Minh H. Hiện tại, chị L đang nuôi dưỡng cháu H, chị có nguyện vọng muốn được tiếp tục nuôi cháu; còn cháu L đang được anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị đề nghị giao cháu L cho bố nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của chị L và quyền lợi về mọi mặt của con thì cháu H nên giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; cháu L nên giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ, quyền theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và các vấn đề khác: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh H có quyền kháng cáo đối với bản án này theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị L ly hôn anh Bùi Xuân H.

2. Về nuôi con: Giao con chung là Bùi Minh H, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Bùi Thị Phương L, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2017 cho anh Bùi Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị L và anh H không phải cấp dưỡng cho con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ, quyền theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Lã Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn mà chị L đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc theo biên lai số AA/2017/0001615 ngày 14 tháng 6 năm 2021.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh H có quyền kháng cáo đối với bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Mỹ Lộc;
- Ủy ban ND xã M, huyện L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Trần Đức Cường**